TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2023
"Về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà: Bà Nguyễn Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Kế;

2. Bà Vũ Thị Toan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thơm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên *tham gia phiên tòa*: Bà Đào Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Tú A, sinh năm 1992 - Có mặt.

Bịđơn: Anh Vũ Đình M, sinh năm 1991 - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Vũ Trúc Tuệ A1, sinh ngày 09/12/2019 - Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Tuệ A1: Anh Vũ Đình M và chị Bùi Thị Tú A - Bố, mẹ đẻ của cháu.

Đều trú tại: Thôn AT, xã TD, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án lời khai, nguyên đơn chị Bùi Thị Tú A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Tú A và anh Vũ Đình M đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã TD, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 02/12/2018. Hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng

chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng dần dần không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, không thể cùng nhau bàn bạc, thống nhất trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Chị A muốn đầu tư làm ăn và bàn bạc với anh M nhưng anh M không đồng ý nên chị Tú A phải vay mượn, tuy nhiên chị A hoàn toàn có trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ. Việc làm ăn lúc được, lúc không nhưng anh M không thông cảm luôn có những lời nói xúc phạm chị A. Để việc nợ nần xảy ra là do chị A nên chị A đã nói chuyện với anh M và xin lỗi gia đình nhưng không có sự thay đổi. Hai bên gia đình biết việc vợ chồng chị mâu thuẫn và đã khuyên bảo. Có lần anh M còn đánh, xúc phạm chị A, không coi trọng gia đình chị. Chị A xác định mâu thuẫn vợ chồng phần nhiều do chị A làm ăn không gặp, anh M không thông cảm, gia đình chị A đã đến nói chuyện với gia đình anh M để hòa giải cho anh chị. Chị A muốn vợ chồng cùng nhìn nhận lại mọi việc để cùng nhau nuôi dậy con cái nhưng anh M và gia đình không đồng ý. Chị A đã nhiều lần nỗ lực, níu kéo nói chuyện để giữ lấy cuộc hôn nhân này nhưng không được. Chị A về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5 năm 2021 và sống ly thân với anh M từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai anh chị đều không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Khi lên Tòa án làm việc anh M xin đoàn tụ gia đình nhưng không hề có thiện chí từ tâm mà bản thân anh M chỉ muốn gây khó khăn cho chị A. Anh M cho rằng chị A mập mờ về tài chính trong gia đình nhưng trên thực tế chị và anh M đã tự tách bạch, độc lập kinh tế với nhau từ lâu nên không có việc chị A làm ảnh hưởng đến kinh tế của anh M. Đến nay, chị A xác định tình cảm với anh M không còn, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Trúc Tuệ A1, sinh ngày 09/12/2019. Hiện tại cháu Tuệ A1 đang ở cùng với anh M. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuệ A1. Chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các tài liệu bổ sung, bị đơn anh Vũ Đình M trình bày:

Anh M và chị A được tự do tìm hiểu, yêu thương và dẫn tới hôn nhân. Anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã TD, huyện TL, vào ngày 02/12/2018. Sau khi cưới vợ chồng ở cùng với bố mẹ anh M, được một thời gian thì thuê nhà tại Hà Nội ở để còn đi làm vì cả hai cùng đi làm thuê ở Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do bất đồng quan điêm sống, do mâu thuẫn trong kinh tế nên vợ chồng đã xảy ra cãi nhau. Về kinh tế, chị A mập mờ không có ý định xây dựng mục đích chung để phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng thuê nhà ở riêng, sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, anh chị có nhắn tin, gọi điện thoại cho nhau cũng chỉ xúc phạm nhau. Cả hai anh chị không quan tâm tới cuộc sống cũng như kinh tế của nhau trong hai năm

nay. Mâu thuẫn của vợ chồng bố mẹ hai bên đều biết và hòa giải nhưng không được. Hiện tại chị A làm gì anh M không biết, anh M không muốn quan tâm vì chị A không thành thật với anh M. Bên cạnh đó chị A nợ rất nhiều, đó là nợ cá nhân không sử dụng vào mục đích của vợ chồng nên anh M không biết. Anh M hỏi rất nhiều nhưng chị A giấu và nói đó là nợ riêng, làm ăn riêng không liên quan đến gia đình nên không công khai. Khi bên cho vay gọi điện thoại cho chị A không được đã gọi điện cho anh M rất nhiều lần làm ảnh hưởng đến công việc của anh M. Bên ngân hàng đã đến nhà anh M, các bên công ty tài chính cho vay liên tục gọi cho anh anh M làm cho anh M và gia đình rất mệt mỏi. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải, đến nay anh M xét thấy tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn, anh không còn tình yêu với chị A nhưng vì con còn nhỏ, không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống của con nên anh M không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Trúc Tuệ A1, sinh ngày 09/12/2019. Từ nhỏ đến nay cháu đều ở cùng với gia đình anh M nên ly hôn anh M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Tuệ A1, không yêu cầu chị A đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị Tú A, giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên. Ngoài ra chị Tú A còn xác định tổng số tiền hiện tại chị còn đang nợ là 250.000.000 đồng, chị trả góp mỗi tháng là 5.600.000 đồng.

* Bị đơn anh M giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên. Anh M xác định đến thời điểm hiện tại anh M không còn tình cảm với chị Tú A nữa nhưng vì tương lai hạnh phúc của con cái nên anh M không muốn ly hôn. Anh M cũng không có phương án vợ chồng sẽ chung sống như thế nào nếu như hai vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Tuệ A1, không yêu cầu chị Tú A đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Do hiện tại chị Tú A còn nợ và hàng tháng phải trả góp nên anh M tự nguyện không yêu cầu chị Tú A phải đóng góp tiền nuôi con chung để tạo điều kiện cho chị A trả nợ.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện TL đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Tú A. Cho chị Tú A được ly hôn với anh Vũ Đình M.

+ Về con chung: Giao cháu Vũ Trúc Tuệ A1, sinh ngày 09/12/2019 cho anh Vũ Đình M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị Tú A nhưng được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Bùi Thị Tú A phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Chị Bùi Thị Tú A yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Vũ Đình M có hộ khẩu thường trú tại Thôn AT, xã TD, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điển a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

[2]*Về quan hệ hôn nhân*: Chị Tú A và anh M kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 02/12/2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 39/2018. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Tú A: Vợ chồng chị Tú A và anh M xảy ra mâu thuẫn từ năm 2020. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau.

Việc vợ chồng anh M, chị Tú A xảy ra mâu thuẫn được bà Doãn Thị L - Mẹ đẻ anh Vũ Đình M cung cấp: Sau khi cưới vợ chồng anh M ở cùng gia đình bà Lan, được một thời gian thì vợ chồng thuê nhà ở Hà Nội cho thuận tiện công việc. Khi chị A sinh con, bà L lên trông cháu giúp, khi cháu được 11 tháng tuổi thì đưa cháu về cho bà L chăm sóc còn vợ chồng vẫn ở Hà Nội cuối tuần về nhà thăm con và gia đình. Do vợ chồng ở Hà Nội nên bà L không thấy vợ chồng có mâu thuẫn gì vì vợ chồng không kể. Vào năm 2020, sau khi hai vợ chồng anh M chị Tú A cãi nhau, sống ly thân thì lúc đó gia đình mới biết. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do chị Tú A nợ nần, vay mượn nhiều nơi mà không nói gì với chồng và gia đình cho đến khi Ngân hàng đến hỏi thì gia đình bà mới biết. Trước sự việc đó, gia đình bà đã khuyên bảo, phân tích vun vén để hai vợ chồng chung sống cùng nhau nuôi dạy con cái (BL số 22). Bà Trần Thị O - Mẹ đẻ chị Tú A trình bầy: Vợ chồng anh M chị Tú A sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì gia đình bà O được biết hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bà O có hỏi thì được biết vợ chồng xảy ra cãi vã, đánh nhau trước tiên là

do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do không minh bạch về kinh tế trong làm ăn. Khi biết việc vợ chồng mâu thuẫn, bà O và gia đình đã khuyên bảo và phân tích rất nhiều nhưng không được. Đôi lần anh M còn xúc phạm gia đình bà O nhưng gi đình bà bỏ qua mọi chuyện. Muốn vun vén cho anh M và chị A về với nhau nên bà O đã đến gia đình thông gia để nói chuyện, muốn hai bên khuyên bảo con cái nhưng không có kết quả. Bản thân chị A đã xin lỗi gia đình chồng và xin lỗi anh M tuy nhiên hai vợ chồng vẫn chưa tìm được tiếng nói chung. Chị A có vay mượn nhưng để làm kinh tế và không ảnh hưởng tới gia đình nhưng anh M không chia sẻ với vợ và rất cục tính. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên tháng 5 năm 2021 nhà anh M gọi gia đình bà O đến và bàn giao trả chị A nên chị A đã về nhà bà O ở từ đó cho đến nay. Bà mong hai vợ chồng cùng suy nghĩ lại để đoàn tụ gia đình. (BL số 24). Qua xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Theo như địa phương được biết, vợ chồng anh M chị Tú A đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau (BL số 27).

Từ những căn cứ trên xác định vợ chồng chị Tú A anh M đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2020. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra việc chị A làm ăn riêng và để việc nợ nần ảnh hưởng tới anh M và gia đình Anh M nên vợ chồng càng mâu thuẫn hơn, thường xuyên cãi nhau. Chị A đã nhận thức mâu thuẫn vợ chồng có lỗi của chị A do nợ nần trong làm ăn nên chủ động xin lỗi anh M và gia đình anh M. Tuy nhiên vợ chồng vẫn xảy ra cãi nhau, anh M đã xúc phạm chị A và không coi trọng gia đình chị A. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau, kinh tế hoàn toàn độc lập. Mâu thuẫn của anh chị cũng được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị Tú A xác định không còn tình cảm với anh M và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M. Anh M không nhất trí ly hôn với con của anh chị còn nhỏ, anh không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống của con. Tuy nhiên anh M xác định không còn tình yêu với chị Tú A, hiện tại chị A làm gì anh M không biết vì không muốn quan tâm đến. Mặt khác tại buổi hòa và tại phiên tòa anh M không đưa ra được phương án vợ chồng chung sống như thế nào nếu như hai vợ chồng đoàn tụ. Điều đó cho thấy anh M không cố gắng tìm biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Tú A anh M đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, và cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa. Nên việc chị Tú A xin ly hôn với anh M là có căn cứ chấp nhận.

[3]*Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Trúc Tuệ A1, sinh ngày 09/12/2019. Ly hôn anh M và chị Tú A đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Tuệ A1 cho đến khi cháu thành niên.

Xét về điều kiện về mọi mặt dể nuôi dậy, chăm sóc con Về mặt thu nhập cả anh M và chị Tú A đều có mức thu nhập trên 12.000.000 đồng/tháng nên cả hai anh chị đều có điều kiện về kinh tế để nuôi con. Cả chị Tú A và Anh M đều

đang ở cùng bố mẹ và đều được bố mẹ hỗ trợ về chỗ ở và chăm sóc cháu Tuệ A1. Do vậy cả hai anh chị đều có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên hiện tại chị Tú A còn nợ hơn 200 triệu đồng và phải trả góp hàng tháng nên sẽ ảnh hưởng đến một phần kinh tế để nuôi dưỡng con. Mặt khác từ khi cháu Tuệ A1 được 11 tháng tuổi cho đến nay cháu đều ở cùng anh M và ông bà nội. Hiện tại cháu Tuệ A1 đã trên 36 tháng do vậy để ổn định về tâm lý, cuộc sống và việc học tập của cháu nên sẽ giao cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuệ A1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thành niên.

Chị Tú A không được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuệ A1 nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh M và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị Tú A trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu chị Tú A phải đóng góp tiền cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của anh M, không trái với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[4]*Về tài sản, công sức, nợ nần*: Chị A và anh M đều xác định không có tài sản chung, công sức, nợ chung và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5]*Về án phí:* Chị Bùi Thị Tú A phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6]Quan điểm, đề nghị của đại diện VKSND huyện Tiên Lữ tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Tú A được ly hôn anh Vũ Đình M.

[2] Về con chung: Giao cháu Vũ Trúc Tuệ A1, sinh ngày 09/12/2019 cho anh Vũ Đình M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị Tú A không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M.

Chị Tú A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh M và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị Tú A trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có, Không đề nghị giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị Tú A chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tú A đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004627 ngày 23/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Chị Bùi Thị Tú A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- VKS huyện TL;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện TL:
- UBND xã Trung Dũng (Đăng ký số 39 ngày 02/12/2018).
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý